

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 12 năm 2017

Số: 116/BC-ĐHHD

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên hệ chính quy tốt nghiệp ra trường năm 2016**

Thực hiện kế hoạch số 177 /KH-ĐHHD ngày 13 tháng 09 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức về Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Nhà trường báo cáo kết quả cụ thể như sau:

#### **1. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN**

##### **1.1. Thuận lợi**

- Việc khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2016 luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Ban Giám hiệu nhà trường, sự phối hợp hiệu quả của các đơn vị, đoàn thể liên quan.
- Công tác khảo sát Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp được thực hiện theo đúng quy trình, thời gian đã ban hành.
- Các khoa đào tạo giữ được mối liên hệ tốt với sinh viên tốt nghiệp năm 2016 nên thông tin thu được trong quá trình khảo sát là tin cậy và đầy đủ.

##### **1.2. Khó khăn**

- Sinh viên tốt nghiệp được phân bố khắp các địa phương trên toàn quốc, địa chỉ liên hệ lưu trong hồ sơ sinh viên chủ yếu là địa chỉ gia đình, trong khi đó nhiều sinh viên tốt nghiệp đã đi làm xa gia đình.
- Sau khi ra trường nhiều sinh viên đã thay đổi số điện thoại liên lạc cá nhân, một số cựu sinh viên chưa thực sự quan tâm đến hoạt động này nên việc gửi thông tin phản hồi có phần hạn chế.

#### **2. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

##### **1.1. Công tác triển khai**

- Thành lập Ban khảo sát tình hình việc làm của sinh viên chính qui tốt nghiệp năm 2016 (theo QĐ số 1327/QĐ-ĐHHD, ngày 18 tháng 8 năm 2017) gồm: 27 thành viên.



- Ngày 14 tháng 10 năm 2017 Ban khảo sát đã tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch số 177 /KH-ĐHHD ngày 13 tháng 9 năm 2017; góp ý bổ sung, điều chỉnh Phiếu khảo sát tình hình việc làm của sinh viên, gồm:

+ Thông tin chung về tên, lớp, năm tốt nghiệp, ngành học/ bậc học, địa chỉ liên lạc, số điện thoại và địa chỉ email của sinh viên chính qui đã tốt nghiệp năm 2016.

+ Tình hình việc làm hiện nay.

+ Mức thu nhập từ công việc đang làm.

+ Sinh viên tự đánh giá khả năng đáp ứng với yêu cầu công việc.

+ Mức độ phù hợp của chương trình đào tạo với yêu cầu công việc hiện nay.

+ Những phản hồi của sinh viên về chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và kiến thức, kỹ năng, năng lực cần được trang bị bổ sung trong quá trình đào tạo.

- Từ ngày 15 đến ngày 25/10/2017, cán bộ Phòng Công tác HSSV đã phối hợp với trợ lý công tác HSSV các khoa lập danh sách địa chỉ liên lạc của sinh viên để phục vụ cho công tác khảo sát.

- Từ ngày 25/10 đến ngày 30 /11/2017, Trợ lý công tác HSSV các khoa đã tiến hành khảo sát, thống kê tình hình việc làm của sinh viên thông qua việc gửi phiếu khảo sát, qua điện thoại, E-mail hoặc Facebook và các mạng xã hội khác. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp được khảo sát cần có phản hồi (tính theo ngành đào tạo) đảm bảo theo phụ lục 1 của (Công văn 2919/BGDĐT – GDĐH ngày 10/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

## **1.2. Kết quả thu được từ khảo sát**

### **1.2.1. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp**

- Tổng số SV đại học, cao đẳng và trung cấp sư phạm hệ chính quy tốt nghiệp năm 2016 là 1.695 sinh viên, gồm:

+ Đợt 1: 101 SVTN (QĐ số 449/QĐ-ĐHHD, ngày 30/03/2016)

+ Đợt 2: 1116 SVTN (QĐ số 1096/QĐ-ĐHHD, ngày 28/06/2016)

+ Đợt 3: 216 SVTN (QĐ số 2514/QĐ-ĐHHD, ngày 07/10/2016)

+ Đợt 4: 138 SVTN (QĐ số 92/QĐ-ĐHHD, ngày 19/01/2017)

+ Trung cấp ngành SP Mầm non: 124 SVTN (QĐ số 3108/QĐ-ĐHHD, ngày 20/12/2016)

Trong đó có 124 SVTN của Lào, ngành 2, VB2, liên thông.

- Tổng số sinh viên khảo sát là **1.571** sinh viên (ĐH: 1.205 SVTN, CĐ: 242 SVTN, TCSP: 124 SVTN)

+ Số sinh viên Nhà trường gửi thông tin khảo sát: 1.571sv

+ Số sinh viên có thông tin phản hồi: 1.375 sv, đạt 88%.

- Tình hình việc làm của sinh viên:



**Bảng 1. Thống kê việc làm theo trình độ đào tạo**

Kết quả Trình độ	Số phiếu gửi đi	Số phiếu thu về		Số SV đã có việc làm		Số SV đang học nâng cao		Số SV chưa có việc làm	
		SL	%	SL	(%)	SL	%	SL	%
Đại học	1205	1055	88%	860	82%	24	3%	195	18%
Cao đẳng	242	213	88%	171	80%	9	4%	42	20%
Trung cấp	124	107	86%	97	91%	5	5%	10	9%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.571</b>	<b>1375</b>	<b>88%</b>	<b>1128</b>	<b>82%</b>	<b>38</b>	<b>3%</b>	<b>247</b>	<b>18%</b>

**Bảng 2. Thống kê tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp**

Kết quả Trình độ	Sinh viên đã có việc làm sau tốt nghiệp					Ghi chú
	Tổng Số	Có việc làm đúng hoặc gần ngành đào tạo		Có việc làm không đúng ngành đào tạo		
		SL	%	SL	%	
Đại học	860	547	64%	313	36%	
Cao đẳng	171	131	77%	40	23%	
Trung cấp	97	90	93%	7	7%	
<b>Tổng cộng</b>	<b>1128</b>	<b>768</b>	<b>68%</b>	<b>360</b>	<b>32%</b>	

**Bảng 3. Thống kê tình hình thu nhập của sinh viên/tháng**

Mức độ Kết quả	Tổng số SVTN có VL	Dưới 3 triệu	Từ 3 đến 5 triệu	Từ 5 đến 7 triệu	Trên 7 triệu
Số lượng	1128	368	394	278	88
Tỉ lệ (%)	82%	33%	35%	25%	8%

**Bảng 4 : Thông kê khu vực việc làm của sinh viên tốt nghiệp**

Trình độ	Tổng số SV	Khu vực việc làm									
		Khu vực nhà nước		Khu vực tư nhân		Liên doanh với nước ngoài		Tự tạo việc làm		Khác	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Đại học	860	316	37%	418	49%	63	7%	39	5%	24	3%
Cao đẳng	171	72	42%	83	49%	14	8%	2	1%	0	0%
Trung cấp	97	75	77%	17	18%	2	2%	1	1%	2	2%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1128</b>	<b>463</b>	<b>41%</b>	<b>518</b>	<b>46%</b>	<b>79</b>	<b>7%</b>	<b>42</b>	<b>4%</b>	<b>26</b>	<b>2%</b>



Bảng 5: Tình hình việc làm theo khoa và theo ngành đào tạo

TT	Khoa	Ngành	Khoa	Số SV tốt nghiệp	Số phiếu gửi đi	Số phiếu thu về	Tỷ lệ (%)	Cơ việc làm					Chưa có việc làm	Tỷ lệ (%)	Học thêm sau TN	Tỷ lệ (%)	
								Đúng hoặc gần ngành	Tỷ lệ (%)	Không đúng ngành	Tỷ lệ (%)	Tổng cộng					Tỷ lệ (%)
1	Khoa học Tự nhiên	DHSP Vật lý (Lý-Hóa)	K15	2	2	2	100%	0	0%	1	50%	1	50%	1	50%	0	0%
		DHSP Toán học	K15	65	65	64	98%	20	31%	16	25%	36	56%	28	44%	9	14%
		DHSP Vật lý	K15	2	2	2	100%	0	0%	0	0%	0	0%	2	100%	0	0%
		DHSP Hóa	K15	20	20	20	100%	3	15%	9	45%	12	60%	8	40%	2	10%
		DHSP Sinh	K15	16	16	16	100%	3	19%	9	56%	12	75%	4	25%	1	6%
		CĐSP Sinh học	K35	1	1	1	100%	1	100%	0	0%	1	100%	0	0%	0	0%
		CĐSP Hóa học	K35	1	1	1	100%	0	0%	1	100%	1	100%	0	0%	0	0%
		CĐSP Toán - Tin	K35	9	9	9	100%	2	22%	3	33%	5	56%	4	44%	0	0%
		Cộng khoa		116	116	115	99%	29	25%	39	34%	68	59%	47	41%	12	10%
		DH GD Tiểu học	K15	82	82	62	76%	53	85%	2	3%	55	89%	7	11%	0	0%
2	Giáo dục tiểu học	CĐSP Tiểu học	K35	28	28	18	64%	14	78%	2	11%	16	89%	2	11%	1	6%
		Cộng khoa		110	110	80	73%	67	84%	4	5%	71	89%	9	11%	1	1%
		DH CNTT	K15	21	21	21	100%	16	76%	3	14%	19	90%	2	10%	0	0%
		CĐ CNTT-TT	K35	4	4	4	100%	3	75%	0	0%	3	75%	1	25%	0	0%
3	CNTT-TT	Cộng khoa		25	25	25	100%	19	76%	3	12%	22	88%	3	12%	0	0%
		DH Kỹ thuật CTXD	K15	49	49	49	100%	36	73%	13	27%	49	100%	0	0%	0	0%
		CĐ CNKT Điện-DT	K35	5	5	5	100%	4	80%	0	0%	4	80%	1	20%	0	0%
		Cộng khoa		54	54	54	100%	40	74%	13	24%	53	98%	1	2%	0	0%
4	KTCN	DH Nông học	K15	24	24	22	92%	7	32%	1	5%	8	36%	14	64%	1	5%
		CD Quản lý đất đai	K35	10	10	10	100%	1	10%	2	20%	3	30%	7	70%	3	30%
		DH BVTV	K15	2	2	2	100%	0	0%	0	0%	0	0%	2	100%	1	50%
		DH Chăn nuôi thú Y	K15	2	2	2	100%	0	0%	1	50%	1	50%	1	50%	0	0%
5	Nông lâm ngư nghiệp	Cộng khoa		38	38	36	95%	8	22%	4	11%	12	33%	24	67%	5	14%
		DHSP Tiếng Anh	K15	51	51	50	98%	29	58%	7	14%	36	72%	14	28%	0	0%
		CĐSP Tiếng Anh	K35	9	9	9	100%	6	67%	1	11%	7	78%	2	22%	0	0%
6	Ngoại ngữ	Cộng khoa		60	60	59	98%	35	59%	8	14%	43	73%	16	27%	0	0%



TT	Khoa	Ngành	Khoa	Số SV tốt nghiệp	Số phiếu gửi đi	Số phiếu thu về	Tỷ lệ (%)	Có việc làm					Chưa có việc làm	Tỷ lệ (%)	Học thêm sau TN	Tỷ lệ (%)	
								Đúng hoặc gần ngành	Tỷ lệ (%)	Không đúng ngành	Tỷ lệ (%)	Tổng cộng					Tỷ lệ (%)
7	TLGD	ĐH Tâm lý học	K15	20	20	15	75%	10	67%	1	7%	11	73%	4	27%	1	7%
8	Giáo dục mầm non	CDGD Mầm Non	K35	91	91	81	89%	72	89%	6	7%	78	96%	3	4%	2	2%
		ĐH GD Mầm non	K15	219	219	202	92%	187	93%	9	4%	196	97%	6	3%	4	2%
		TCCGD Mầm Non		124	124	107	86%	90	84%	7	7%	97	91%	10	9%	5	5%
		<b>Cộng khoa</b>		<b>434</b>	<b>434</b>	<b>390</b>	<b>90%</b>	<b>349</b>	<b>89%</b>	<b>22</b>	<b>6%</b>	<b>371</b>	<b>95%</b>	<b>19</b>	<b>5%</b>	<b>11</b>	<b>3%</b>
9	KT-QTKD	ĐH Quản trị KD	K15	56	56	50	89%	33	66%	5	10%	38	76%	12	24%	2	4%
		ĐH TCNH	K15	92	92	73	79%	34	47%	16	22%	50	68%	23	32%	1	1%
		ĐH Kế toán	K15	226	226	153	68%	72	47%	50	33%	122	80%	31	20%	2	1%
		CD Kế Toán	K35	62	62	54	87%	20	37%	19	35%	39	72%	15	28%	2	4%
		CD Quản trị KD	K35	13	13	13	100%	8	62%	2	15%	10	77%	3	23%	1	8%
10	KHXXH	<b>Cộng khoa</b>		<b>449</b>	<b>449</b>	<b>343</b>	<b>76%</b>	<b>167</b>	<b>49%</b>	<b>92</b>	<b>27%</b>	<b>259</b>	<b>76%</b>	<b>84</b>	<b>24%</b>	<b>8</b>	<b>2%</b>
		ĐH Địa lý	K15	45	45	45	100%	4	9%	39	87%	43	96%	2	4%	0	0%
		ĐH Xã Hội Học	K15	58	58	56	97%	11	20%	30	54%	41	73%	15	27%	0	0%
		CDSP Ngữ văn (Văn sử)	K15	9	9	8	89%	0	0%	4	50%	4	50%	4	50%	0	0%
		ĐHSP Ngữ Văn	K15	52	52	49	94%	9	18%	30	61%	39	80%	10	20%	0	0%
		ĐHSP Lịch sử	K15	27	27	27	100%	4	15%	23	85%	27	100%	0	0%	0	0%
		ĐHSP Địa lý	K15	38	38	38	100%	3	8%	28	74%	31	82%	7	18%	0	0%
		ĐH Văn học	K15	1	1	0	0%	0	###	0	###	0	###	0	###	0	###
		ĐH Việt Nam học	K15	34	34	34	100%	13	38%	19	56%	32	94%	2	6%	0	0%
		ĐH Lịch sử	K15	1	1	1	100%	0	0%	1	100%	1	100%	0	0%	0	0%
<b>Tổng cộng</b>		<b>Cộng khoa</b>		<b>1571</b>	<b>1571</b>	<b>1375</b>	<b>88%</b>	<b>768</b>	<b>56%</b>	<b>360</b>	<b>26%</b>	<b>1128</b>	<b>82%</b>	<b>247</b>	<b>18%</b>	<b>38</b>	<b>3%</b>



### 1.2.2 Ý kiến phản hồi của sinh viên tốt nghiệp

- Về nội dung chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo nhìn chung đáp ứng được yêu cầu của sinh viên về việc chủ động lựa chọn học phần, thiết kế lộ trình học tập, xây dựng phương pháp học tập hiệu quả, phát triển năng lực của sinh viên. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều SV cho rằng: sau khi có việc làm SV vẫn cần phải đào tạo thêm mới đáp ứng yêu cầu công việc, chương trình đào tạo còn nhiều học phần lý thuyết, nội dung thực hành chưa nhiều và ít phù hợp với thực tiễn công việc, công nghệ chưa hiện đại, chưa đáp ứng được chuẩn đầu ra.

- Về cơ hội việc làm: Nhà trường cần tăng cường hơn nữa các hoạt động hướng nghiệp cho sinh viên; tổ chức các hội chợ việc làm; đưa doanh nghiệp nhà sử dụng lao động đến gặp gỡ với sinh viên và ngược lại... nhằm giúp SV có nhiều cơ hội tìm việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Về cơ sở vật chất: Nhà trường cần tăng cường hơn nữa việc sử dụng các thiết bị, công nghệ mới trong thực hành nghề.

- Về hoạt động ngoại khóa: Nhà trường cần tăng cường các hoạt động ngoại khóa hoặc các khóa đào tạo về kỹ năng mềm như: Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; Kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập; Kỹ năng lập kế hoạch cho công việc.

- Về trình độ tin học ngoại ngữ: Nhà trường cần có biện pháp cải tiến công tác dạy học và kiểm tra, nhằm giúp nâng cao số sinh viên đạt chuẩn trình độ tin học, ngoại ngữ sau khi tốt nghiệp.

#### **Đánh giá chung:**

Công tác khảo sát sinh viên tốt nghiệp năm 2016 cơ bản theo kế hoạch đề ra, kết quả khảo sát hoàn toàn khách quan, số liệu thu được tin cậy; tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp là khá cao (82%), trong đó tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo là 68%; sinh viên tốt nghiệp có việc làm nhìn chung đáp ứng được với yêu cầu của công việc. *M*

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng (để b/c);
- Các đơn vị, đoàn thể cấp trường;
- Lưu: VT, P.CTHSSV *2*



Lê Văn Trường